

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 19/11/2020  
*Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Phương Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Ngọc Phú, bà Nguyễn Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 464/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1974. Có mặt.

- Bị đơn: Chị **Đàm Thị P**, sinh năm 1977. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Khu Đ, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Quốc D trình bày:* Anh và chị Đàm Thị P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 25/02/1998. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, làm ăn kinh tế và không tin tưởng nhau nên không chia sẻ với nhau về những vấn đề phát sinh của cuộc sống, việc ai người đó làm. Mặt khác, chị P cư xử không đúng mực, thường có lời nói, thái độ xúc phạm chồng và gia đình nhà chồng. Anh nhiều lần góp ý nhưng chị P không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng làm tình cảm rạn nứt. Vợ chồng đã sống ly thân gần một năm nay nhưng

không có biện pháp khắc phục. Hiện anh không còn tình cảm với chị P nên anh khởi kiện xin ly hôn chị P.

Anh và chị P có ba con chung là Nguyễn Công Đ- sinh ngày 31/01/1999, Nguyễn Xuân T- sinh ngày 08/8/2001 và Nguyễn Thị Huyền G- sinh ngày 04/02/2010. Cháu Đ, cháu T đã thành niên nên anh không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho tới khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị P phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

*Tại phiên hòa giải, bị đơn là chị Đàm Thị P trình bày* thống nhất với anh D về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh D chỉ quan tâm đến kinh tế, vật chất mà không dành tình cảm cho chị và không chung thủy với chị. Chị nhiều lần góp ý, động viên nhưng Doanh không tiếp thu và ngày càng lạnh nhạt với chị. Sau đó anh D tự bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống dẫn đến vợ chồng ly thân gần một năm. Hiện chị không có biện pháp hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng chị không đồng ý ly hôn anh D.

Chị và anh D có ba con chung là Nguyễn Công Đ- sinh ngày 31/01/1999, Nguyễn Xuân T- sinh ngày 08/8/2001 và Nguyễn Thị Huyền G- sinh ngày 04/02/2010. Cháu Đ, cháu T đã thành niên nên chị không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho tới khi thành niên và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị theo quy định pháp luật.

Chị không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

*Qua xác minh, đại diện khu dân cư và chính quyền địa phương phản ánh:* Quá trình chung sống, anh D và chị P thường xảy ra mâu thuẫn, to tiếng với nhau. Nguyên nhân là do chị P cư xử không đúng mực, thường có lời nói, thái độ không tôn trọng anh D và người nhà anh D.

Bà Nguyễn Thị L (*mẹ đẻ anh D*) trình bày: Vì ở cạnh nhà nên bà biết vợ chồng anh D, chị P thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau vì vấn đề tiền nong, kinh tế và các vấn đề sinh hoạt hàng ngày. Chị P luôn có lời nói, thái độ không tôn trọng bà và các anh chị em bên chồng. Anh D góp ý nhưng chị P không sửa đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh D đã dọn về sinh sống cùng bà khoảng hơn một năm nay.

**Tại phiên tòa:** Anh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị P xác định cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không hạnh phúc từ năm 2000 cho tới nay nhưng không có biện pháp khắc phục. Vì chị là người theo đạo thiên chúa, không thể bỏ chồng nên chị không đồng ý ly hôn anh

D. Nếu Hội đồng xét xử giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì chị nhất trí để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho tới khi thành niên và nhất trí việc chị không phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh D.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh D được ly hôn chị P. Giao cháu G cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Buộc anh D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Anh Nguyễn Quốc D và chị Đàm Thị P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Anh D cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau và do chị P luôn có lời nói, thái độ không tôn trọng anh cùng người thân của anh. Chị P cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh D không dành tình cảm cho chị, không chung thủy với chị. Tuy các bên đương sự trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thể hiện cuộc sống chung không hòa hợp trong nhiều năm. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau về mọi mặt khoảng gần một năm nay và các đương sự đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay anh D xin ly hôn, chị P không đồng ý vì chị là người theo đạo thiên chúa nên không được bỏ chồng chứ không phải vì lý do nào khác. Vì vậy xác định hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho anh D được ly hôn chị P.

[2] *Về con chung*: Các đương sự không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đã thành niên là Nguyễn Công Đ- sinh ngày 31/01/1999 và Nguyễn Xuân T- sinh ngày 08/8/2001 nên HĐXX không xem xét.

Tại phiên tòa, anh D giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Huyền G- sinh ngày 04/02/2010. Chị P nhất trí để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho tới khi thành niên. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu

G xin được ở cùng anh D nên cần chấp nhận. Anh D không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là tự nguyện nên được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về án phí*: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc D và chị Đàm Thị P.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Quốc D và chị Đàm Thị P giao con chung Nguyễn Thị Huyền G- sinh ngày 04/02/2010 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0002509 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Thị Phương Thúy**